

Số: 274 /2025/KDTM - PT  
Ngày: 30 tháng 09 năm 2025  
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bích Hạnh
- ***Các Thẩm phán:*** - Bà Lê Thúy Linh  
- Bà Trần Thị Thanh Thảo

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa :*** Ông Nguyễn Khánh Nam - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội:*** Bà Đào Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025, Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số 109/2025/TLPT-KDTM ngày 09 tháng 05 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”. Do Bản án KDTM sơ thẩm số 51/2024/ST-KDTM ngày 28/10/2024 của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội bị: Bị đơn là Công ty cổ phần D1 kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 631/2025/QĐPT-KDTM ngày 17/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 722/2025/QĐ – PT ngày 12/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 811/2025/QĐ – PT ngày 23/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 869/2025/QĐ – PT ngày 11/9/2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn: Ngân hàng N2*** (Gọi tắt là “***Ngân hàng***” hoặc “***A***”)
- Địa chỉ trụ sở chính: Số B L , phường T, quận B, thành phố Hà Nội (Nay là: Số B L, phường G, thành phố Hà Nội).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: \*\*\*\*\*, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp ngày 26/02/2004; đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 11/01/2024.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V** - Tổng Giám đốc.
- Chi nhánh thực hiện việc khởi kiện: **Ngân hàng N2 – Chi nhánh H1** (A Chi nhánh H1)
- Địa chỉ trụ sở chi nhánh: số G L, phường V, quận H, thành phố Hà Nội (Nay là: Số G L, phường V, thành phố Hà Nội).
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh số: \*\*\*\*\*-\*\*\* do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H cấp ngày 01/10/1994; đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 02/05/2024.

***Ủy quyền tại thời điểm khởi kiện:*** Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 về việc Ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án của

người đại diện theo pháp luật của A; Giấy Ủy quyền số 3613/UQ-NHNoHN ngày 04/10/2022 của Giám đốc A Chi nhánh H1.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Tổng Giám đốc

- Người đứng đầu A Chi nhánh H1: Ông Đinh Việt Đ - Giám đốc A Chi nhánh H1 theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 về việc Ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án của người đại diện theo pháp luật của A.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Hằng N – Phó Giám đốc A Chi nhánh H1 và bà Ngô Phan Lan H – Trưởng Phòng Khách hàng hộ sản xuất cá nhân theo Giấy ủy quyền số 3613/UQ-NHNoHN ngày 04/10/2022 của Giám đốc A Chi nhánh H1.

*Ủy quyền tại Đơn sửa đổi, bổ sung nội dung khởi kiện (ngày 27/7/2023) và thời điểm xét xử sơ thẩm và đến trước ngày 05/8/2025:* Quyết định 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc A về việc thực hiện các quyền tố tụng, thi hành án và Giấy ủy quyền số 4666/UQ-NHNo.HN-PC ngày 21/12/2022 của Giám đốc A Chi nhánh H1.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng Giám đốc.

- Người đứng đầu A Chi nhánh H1: Ông Đinh Việt Đ - Giám đốc A Chi nhánh H1 theo Quyết định 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc A về việc thực hiện các quyền tố tụng, thi hành án.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Hằng N – Phó Giám đốc A Chi nhánh H1 và bà Ngô Phan Lan H – Trưởng Phòng Khách hàng hộ sản xuất cá nhân theo Giấy ủy quyền số 4666/UQ-NHNo.HN-PC ngày 21/12/2022 của Giám đốc A Chi nhánh H1.

*Ủy quyền tham gia tố tụng từ ngày 05/8/2025:*

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng Giám đốc.

- Người đứng đầu A Chi nhánh H1: Ông Hoàng Thanh T1 - Giám đốc A Chi nhánh H1 theo Quyết định 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc A về việc thực hiện các quyền tố tụng, thi hành án và Quyết định số 958/QĐ-HĐTV-UBNS ngày 01/8/2025 của Hội đồng thành viên A về điều động cán bộ.

*Ủy quyền lại ngày 15/8/2025:*

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Hằng N - Phó Giám đốc A Chi nhánh H1 (Sinh năm 1975; Căn cước công dân số \*\*\*\*\*, cấp ngày 15/01/2022) và bà Ngô Phan Lan H – Trưởng Phòng Khách hàng cá nhân (Sinh năm 1972; Căn cước công dân số \*\*\*\*\*, cấp ngày 26/4/2021). Theo Giấy ủy quyền số 2996/UQ-NHNo.HN ngày 15/8/2025 của Giám đốc A - Chi nhánh H1. (Bà N và bà H có mặt)

**- Bị đơn: Công ty cổ phần D1.**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100100495, do Sở kế hoạch và đầu tư cấp lần đầu ngày 12/9/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/8/2018.

Địa chỉ trụ sở: Số B N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội (Nay là: Số B N, phường T, thành phố Hà Nội).

Đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Văn M**, sinh năm 1957; Chứng minh nhân dân số: \*\*\*\*\* do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày

27/8/2014; Địa chỉ thường trú và nơi ở hiện tại: Số 15b P, phường N, quận B, thành phố Hà Nội (Nay là: Số 15b P, phường B, thành phố Hà Nội); chức vụ: Tổng Giám đốc.

(Ông Đỗ Văn M có mặt)

Đại diện theo ủy quyền: **Công ty L3**; Địa chỉ trụ sở: Tầng E, số F L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội (Nay là: tầng 5, số F L, phường G, thành phố Hà Nội); Do bà **Đinh Hương L**, sinh năm 2000 (Căn cước công dân số \*\*\*\*\* cấp ngày 04/12/2022); Bà **Vũ Thị Phương L1**, sinh năm 2000 (Căn cước công dân số \*\*\*\*\*, cấp ngày 28/01/2025) là đại diện (theo Hợp đồng ủy quyền số 09/2025/HĐUQ/DET19.5-WL và Quyết định số 70/2025/QĐ-WINLEGAL ngày 06/8/2025).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư **Lò Minh D** – Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: Tầng E, số F L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội (Nay là: tầng 5, số F L, phường G, thành phố Hà Nội).

(Bà L1 vắng mặt, bà L và Luật sư D có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, các lời khai tại cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N2 trình bày:**

Ngày 04 tháng 10 năm 2022, Ngân hàng N2 (Sau đây gọi tắt là: “**A**” hoặc “**Ngân hàng**”) có đơn khởi kiện vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với Công ty cổ phần D1 (Sau đây gọi tắt là: “**Công ty D1**”, yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

Thứ nhất, yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty D1 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A theo Hợp đồng tín dụng đã ký, tổng số tiền (tạm tính đến ngày 30/09/2022) là: **136.479.296.411 VND** (Một trăm ba mươi sáu tỷ, bốn trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn, bốn trăm mười một đồng), Trong đó: Nợ gốc: **118.619.215.693 VND**; Nợ lãi: **17.860.080.718 VND**, bao gồm: Nợ lãi trong hạn: 0 VND; Nợ lãi quá hạn: 17.860.080.718 VND.

Thứ hai, tuyên buộc Công ty D1 phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực tế kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày Công ty D1 trả hết nợ gốc cho A hoặc cho đến khi thi hành xong bản án theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, tuyên A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản bảo đảm của Công ty D1 để thu hồi nợ theo quyết định của pháp luật trong trường hợp Công ty D1 không thực hiện hoặc thực hiện không đủ, đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Thứ tư, tuyên A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty D1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ.

**Tài sản thế chấp là:**

+ **Tài sản 01** (Theo Hợp đồng thế chấp ngày 01/8/2014; phụ lục hợp đồng ngày 20/12/2017 và 07/08/2020; Giá trị TSBĐ: 13.078.000.000 VND): Toàn bộ giá

trị máy móc thiết bị gồm: 01 hệ thống thiết bị gian cung bông, 04 máy chải năng suất cao TC-03; 04 máy ghép đặc tính cao TD-03; 02 máy đánh ống nổi vệt tự động Autoconer 338, loại RM với 60 đầu đánh ống, loepfe YM800i; 01 máy đánh ống nổi vệt tự động Autoconer 338, loại RM với 60 đầu đánh ống, loepfe YM900i; 01 máy hấp sợi Super Cube Nova 18-18-27 của Công ty cổ phần D1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 01/08/2014 ký kết giữa A Chi nhánh H1 và Công ty cổ phần D1.

+ **Tài sản 02** (Theo Hợp đồng thế chấp ngày 24/10/2019; phụ lục Hợp đồng thế chấp ngày 28/11/2019, 17/02/2020; Giá trị TSBĐ: 32.000.000.000 VND, trong đó: Giá trị tài sản đã hình thành: 26.262.084.000 VND; Giá trị chưa hình thành: 5.737.916.000 VND): Toàn bộ giá trị Nhà xưởng sợi thuộc dự án nhà máy kéo sợi chất lượng cao giai đoạn 2 gắn liền với đất thuê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV640591 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 30/06/2020, thời hạn thuê đất: đến hết ngày 10/12/2054 theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 01/2019/AGRHN-D1 ngày 24/10/2019 ký kết giữa A Chi nhánh H1 và Công ty cổ phần D1.

**Tài sản 03** (Theo Hợp đồng thế chấp ngày 09/05/2020; Giá trị TSBĐ: 74.545.000.000 VND): Toàn bộ giá trị máy móc thiết bị gồm: Một phần hệ thống cung bông; 5 Máy chải thô TC15; 3 Máy ghép đặc tính cao TD9; 3 Máy ghép đặc tính cao TD8; 4 Máy kéo sợi thô; 24 Máy dệt OPTIMAX-I-4-R 190cm; Hệ thống điều không và thu gom rác của Công ty cổ phần D1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 09/05/2020 Số: 012020/HĐTCTS /AGRHN-HATEXCO, số công chứng: 831/2020/HĐTC tại Văn phòng C ký kết giữa A Chi nhánh H1 và Công ty cổ phần D1.

**Tài sản 04** (Theo Hợp đồng thế chấp ngày 06/08/2020; Giá trị TSBĐ: 47.279.000.000 VND): Toàn bộ giá trị máy móc thiết bị gồm: 22 máy sợi con FA528 (TQ); 5 máy kéo sợi thô FA 415A; 2 máy ghép FA 306A; 1 hệ thống tái chế phế liệu SFU101; 2 máy chải năng suất cao TC-03; 1 hệ thống điều không và Toàn bộ giá trị Nhà máy kéo sợi giai đoạn 1 và nhà kho sợi 01 tầng gắn liền với đất thuê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV640591 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 30/06/2020, thời hạn thuê đất: đến hết ngày 10/12/2054 của Công ty cổ phần D1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 06/08/2020 số: 022020/HĐTCTS/AGRHN-HATEXCO ký kết giữa A Chi nhánh H1 và Công ty cổ phần D1.

**\* Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các đương sự thống nhất nội dung vụ án như sau:**

Ngân hàng N2 (A - Chi nhánh H1) đã ký với Công ty cổ phần D1: 01 Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019; Văn bản Thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng tín dụng số 01/2019/TTSĐHĐTD ngày 30/10/2019, 02/2019/TTSĐHĐTD ngày 10/05/2020, số 03/2019/TTSĐHĐTD ngày 07/08/2020. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 - 2020 và được ghi cụ thể trên từng lần nhận nợ. Tổng số tiền vay là: **120.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng).

Ngân hàng N2 đã giải ngân theo các Giấy nhận nợ với tổng số tiền là: **119.647.215.693 đồng**. Dư nợ gốc hiện tại của Công ty cổ phần D1 tại A là: **118.619.215.693 đồng** (*Một trăm mười tám tỷ, sáu trăm mười chín triệu, hai trăm mười lăm nghìn, sáu trăm chín mươi ba đồng*) và lãi phát sinh chưa trả.

**Biện pháp bảo đảm:**

+ **Tài sản 01** (Theo Hợp đồng thế chấp số 01082014/HĐTC ngày 01/8/2014; Phụ lục hợp đồng ngày 20/12/2017 và 07/08/2020; Giá trị TSBĐ: 13.078.000.000 VND): Toàn bộ giá trị máy móc thiết bị gồm: 01 hệ thống thiết bị gian cung bông, 04 máy chải năng suất cao TC-03; 04 máy ghép đặc tính cao TD-03; 02 máy đánh ống nổi về tự động Autoconer 338, loại RM với 60 đầu đánh ống, loepfe YM800i; 01 máy đánh ống nổi về tự động Autoconer 338, loại RM với 60 đầu đánh ống, loepfe YM900i; 01 máy hấp sợi Super Cube Nova 18-18-27 của Công ty cổ phần D1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 01/08/2014 ký kết giữa A Chi nhánh H1 và Công ty cổ phần D1.

+ **Tài sản 02** (Theo Hợp đồng thế chấp số 01/2019/AGRHN-D1 ngày 24/10/2019; phụ lục Hợp đồng thế chấp ngày 28/11/2019, 17/02/2020; Giá trị TSBĐ: 32.000.000.000 VND, trong đó: Giá trị tài sản đã hình thành: 26.262.084.000 VND; Giá trị chưa hình thành: 5.737.916.000 VND): Toàn bộ giá trị Nhà xưởng sợi thuộc dự án nhà máy kéo sợi chất lượng cao giai đoạn 2 gắn liền với đất thuê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV640591 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 30/06/2020, thời hạn thuê đất: đến hết ngày 10/12/2054 theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 01/2019/AGRHN-D1 ngày 24/10/2019 ký kết giữa A Chi nhánh H1 và Công ty cổ phần D1.

+ **Tài sản 03** (Theo Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTCTS/AGRHN-HATEXCO ngày 09/05/2020; Giá trị TSBĐ: 74.545.000.000 VND): Toàn bộ giá trị máy móc thiết bị gồm: Một phần hệ thống cung bông; 5 Máy chải thô TC15; 3 Máy ghép đặc tính cao TD9; 3 Máy ghép đặc tính cao TD8; 4 Máy kéo sợi thô; 24 Máy dệt OPTIMAX-I-4-R 190cm; Hệ thống điều không và thu gom rác của Công ty cổ phần D1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 09/05/2020 Số: 012020/HĐTCTS /AGRHN-HATEXCO, số công chứng: 831/2020/HĐTC tại Văn phòng C ký kết giữa A Chi nhánh H1 và Công ty cổ phần D1.

+ **Tài sản 04** (Theo Hợp đồng thế chấp số 022020/HĐTCTS/AGRHN-HATEXCO ngày 06/08/2020; Giá trị TSBĐ: 47.279.000.000 VND): Toàn bộ giá trị máy móc thiết bị gồm: 22 máy sợi con FA528 (TQ); 5 máy kéo sợi thô FA 415A; 2 máy ghép FA 306A; 1 hệ thống tái chế phế liệu SFU101; 2 máy chải năng suất cao TC-03; 1 hệ thống điều không và Toàn bộ giá trị Nhà máy kéo sợi giai đoạn 1 và nhà kho sợi 01 tầng gắn liền với đất thuê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV640591 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 30/06/2020, thời hạn thuê đất: đến hết ngày 10/12/2054 của Công ty cổ phần D1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 06/08/2020

số: 022020/HĐTCTS/AGRHN-HATEXCO ký kết giữa A Chi nhánh H1 và Công ty cổ phần D1.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng N2 đã giải ngân cho Công ty với tổng số tiền là: **119.647.215.693 đồng**. Tạm tính đến ngày 21/12/2023, Công ty cổ phần D1 đã thanh toán số tiền nợ gốc là **1.028.000.000 đồng**, nợ lãi đã thanh toán là: **5.421.246.486 đồng**; Tổng dư nợ của Công ty cổ phần D1 (nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại A là: **147.131.328.475 đồng**, trong đó: Nợ gốc: **118.619.215.693 đồng**; Tổng nợ lãi: **28.512.112.782 đồng**, (bao gồm: Nợ lãi tính trên dư nợ gốc trong hạn: **2.849.581.583 đồng**; Nợ lãi tính trên dư nợ gốc quá hạn: **25.662.531.199 đồng**).

Do Công ty cổ phần D1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

**\* Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn - Công ty cổ phần D1 đã đưa ra phương án hòa giải và trình bày:**

Năm 2023, do doanh nghiệp hiện đang gặp rất nhiều khó khăn nên công ty không có khả năng thanh toán theo lộ trình trả nợ mà trước đây năm 2022 hai bên đã đề ra. Công ty đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện thanh toán theo Công văn số 186/CV-DD1 ngày 21/12/2023 với lộ trình thanh toán: Từ tháng 04 đến tháng 12/2024: Trả 03 tỷ (bình quân 333 triệu đồng/tháng); Năm 2025: Trả 38 tỷ đồng (bình quân 3,166 tỷ đồng/tháng); Năm 2026: Trả 38 tỷ đồng (bình quân 3,166 tỷ đồng/tháng); Năm 2027: Trả nốt số còn lại là 39,619 tỷ đồng (bình quân 3,301 tỷ đồng/tháng, số chênh dư còn lại sẽ trả vào tháng cuối cùng). Tuy nhiên, hai bên vẫn không thống nhất được phương án, Ngân hàng không đồng ý với lộ trình bị đơn đề ra trên.

**Tại Bản án KDTM sơ thẩm số 51/2024/ST - KDTM ngày 28/10/2024 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đã quyết định:**

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N2 đối với Công ty cổ phần D1.

2- Buộc Công ty cổ phần D1 phải có nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019; Văn bản Thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng tín dụng số 01/2019/TTSDHĐTD ngày 30/10/2019, số 02/2019/TTSDHĐTD ngày 10/05/2020, số 03/2019/TTSDHĐTD ngày 07/08/2020 tạm tính đến ngày 23/10/2024 là: **154.857.150.236 đồng** (Một trăm năm mươi tư tỷ, tám trăm năm mươi bảy triệu, một trăm năm mươi nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng); Trong đó: Nợ gốc là: **118.619.215.693 đồng** (Một trăm mười tám tỷ, sáu trăm mười chín triệu, hai trăm mười lăm nghìn, sáu trăm chín mươi ba đồng); Nợ lãi là: **36.237.934.543 đồng** (Ba mươi sáu tỷ, hai trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi tư nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng) (Trong đó bao gồm: Nợ lãi trong hạn: 2.849.581.586 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 33.388.352.957 đồng).

Kể từ sau ngày 23/10/2024, Công ty cổ phần D1 tiếp tục phải trả nợ lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền nợ gốc cho Ngân hàng N2.

3. Xác định các Hợp đồng thế chấp tài sản và các Phụ lục hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng N2 và Công ty cổ phần D1 là hợp pháp. Cụ thể:

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01082014/HĐTC ngày 01/8/2014; Phụ lục hợp đồng ngày 20/12/2017 và 07/08/2020;

+ Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2019/AGRHN-D1 ngày 24/10/2019; Phụ lục Hợp đồng thế chấp ngày 28/11/2019, 17/02/2020;

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 012020/HĐTCTS/AGRHN-HATEXCO ngày 09/05/2020, số công chứng: 831/2020/HĐTC tại Văn phòng C;

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 022020/HĐTCTS/AGRHN-HATEXCO ngày 06/08/2020.

Trường hợp Công ty cổ phần D1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là:

Toàn bộ giá trị máy móc thiết bị gồm: 01 hệ thống thiết bị gian cung bông, 04 máy chải năng suất cao TC-03; 04 máy ghép đặc tính cao TD-03; 02 máy đánh ống nổi về tự động Autoconer 338, loại RM với 60 đầu đánh ống, loepfe YM800i; 01 máy đánh ống nổi về tự động Autoconer 338, loại RM với 60 đầu đánh ống, loepfe YM900i; 01 máy hấp sợi Super Cube Nova 18-18-27 của Công ty cổ phần D1. (Theo Hợp đồng thế chấp số 01082014/HĐTC ngày 01/8/2014; Phụ lục hợp đồng ngày 20/12/2017 và 07/08/2020).

+ Toàn bộ giá trị Nhà xưởng sợi thuộc dự án nhà máy kéo sợi chất lượng cao giai đoạn 2 gắn liền với đất thuê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV640591 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 30/06/2020, thời hạn thuê đất: đến hết ngày 10/12/2054 (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2019/AGRHN-D1 ngày 24/10/2019; Phụ lục Hợp đồng thế chấp ngày 28/11/2019, 17/02/2020).

+ Toàn bộ giá trị máy móc thiết bị gồm: Một phần hệ thống cung bông; 5 Máy chải thô TC15; 3 Máy ghép đặc tính cao TD9; 3 Máy ghép đặc tính cao TD8; 4 Máy kéo sợi thô; 24 Máy dệt OPTIMAX-I-4-R 190cm; Hệ thống điều không và thu gom rác của Công ty cổ phần D1 (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 012020/HĐTCTS/AGRHN-HATEXCO ngày 09/05/2020, số công chứng: 831/2020/HĐTC tại Văn phòng C).

+ Toàn bộ giá trị máy móc thiết bị gồm: 22 máy sợi con FA528 (TQ); 5 máy kéo sợi thô FA 415A; 2 máy ghép FA 306A; 1 hệ thống tái chế phế liệu SFU101; 2 máy chải năng suất cao TC-03; 1 hệ thống điều không và Toàn bộ giá trị Nhà máy kéo sợi giai đoạn 1 và nhà kho sợi 01 tầng gắn liền với đất thuê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV640591 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 30/06/2020, thời hạn thuê đất: đến hết ngày 10/12/2054 của Công ty cổ phần D1 (Theo Hợp đồng thế chấp số 022020/HĐTCTS/AGRHN-HATEXCO ngày 06/08/2020).

Nếu số tiền thu được không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì Công ty cổ phần D1 phải tiếp tục trả số nợ còn thiếu cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về việc thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Ngày 08/11/2024, bị đơn là Công ty Cổ phần D1 nộp đơn kháng cáo (Đơn kháng cáo đề ngày 08/11/2024) có nội dung kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Bản án KDTM sơ thẩm số 51/2024/ST-

KDTM xử ngày 23/10/2024, tuyên án ngày 28/10/2024 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội không khách quan, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Cổ phần D1.

**\* Tại Bản tự khai ngày 15/9/2025 tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N2 (A) do bà Phạm Thị Hằng N trình bày:**

Ngân hàng N2 (sau đây gọi tắt là: “A”) khởi kiện Công ty Cổ phần D1 (Gọi tắt là: “Công ty D1”).

Công ty D1 là Khách hàng có quan hệ vay vốn tại A Chi nhánh H1 và đã được A Chi nhánh H1 cấp hạn mức tín dụng theo **Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019** và các văn bản thỏa thuận sửa đổi hợp đồng tín dụng số 01/2019/TTSDHĐTD ngày 30/10/2019; 02/2019/TTSDHĐTD ngày 10/05/2020; số 03/2019/TTSDHĐTD ngày 07/08/2020 (bao gồm 45 Giấy nhận nợ), cụ thể như sau:

- Hạn mức cấp tín dụng: 120.000.000.000 đồng. Hạn mức cấp tín dụng bao gồm: Dư nợ các khoản vay ngắn hạn; số dư bảo lãnh; số dư phát hành thư tín dụng (L) và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật và của A do Chi nhánh Công ty Cổ phần D1 tại Hà Nam nhận nợ theo ủy quyền; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 - 2020 và được ghi cụ thể trên từng lần nhận nợ. Bên nhận nợ theo ủy quyền: Chi nhánh Công ty Cổ phần D1 tại Hà Nam. Thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Số tiền giải ngân của Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 là **119.647.215.693 đồng** (Bằng chữ: *Một trăm mười chín tỷ, sáu trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm mười lăm nghìn, sáu trăm chín mươi ba đồng*). Dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng hạn số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 tính đến ngày 23/10/2024 là **118.619.215.693 đồng** (Bằng chữ: *Một trăm mười tám tỷ, sáu trăm mười chín triệu, hai trăm mười lăm nghìn, sáu trăm chín mươi ba đồng*).

***Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019, Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam do ông Đỗ Văn M là Giám đốc chi nhánh – đại diện theo ủy quyền đã ký các Giấy nhận nợ cụ thể có nội dung nhận nợ với A, như sau:***

**1/ Giấy nhận nợ lần 01 (1500LDS201911355), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **700.000.000 đồng** để thanh toán tiền sơi theo Hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, biên bản xác nhận công nợ, giấy đề nghị thanh toán. Ngày 05/12/2019, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**2/ Giấy nhận nợ lần 02 (1500LDS201911401), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **1.950.000.000 đồng** để thanh toán tiền sơi theo

hóa đơn GTGT, biên bản xác nhận công nợ, giấy đề nghị thanh toán. Ngày 06/12/2019, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**3/ Giấy nhận nợ lần 03 (1500LDS201911413), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **2.000.000.000 đồng** để thanh toán tiền sơi theo hóa đơn GTGT, biên bản xác nhận công nợ, giấy đề nghị thanh toán. Ngày 06/12/2019, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**4/ Giấy nhận nợ lần 04 (1500LDS201911446), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **1.710.000.000 đồng** để thanh toán tiền sơi theo Hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ, giấy đề nghị thanh toán. Ngày 09/12/2019, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**5/ Giấy nhận nợ lần 05 (1500LDS201911466), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **651.347.800 đồng** để thanh toán lương tháng 9 và 10 theo Bảng tổng hợp thanh toán lương và Bảng tổng hợp thu BHXH - BHYT – BHTN tháng 9 và 10. Ngày 09/12/2019, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản lương của công nhân viên theo bảng kê.

**6/ Giấy nhận nợ lần 06 (1500LDS201911566), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **482.258.300 đồng** để thanh toán lương đợt 2 tháng 10 cán bộ công nhân viên theo Bảng tổng hợp thanh toán lương và Bảng tổng hợp thu BHXH - BHYT – BHTN tháng 10. Ngày 11/12/2019, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản lương của công nhân viên theo bảng kê.

**7/ Giấy nhận nợ lần 07 (1500LDS201911992), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **568.265.409 đồng** để thanh toán tiền điện sản xuất kỳ 1 và kỳ 2 tháng 12/2019 theo thông báo thanh toán tiền điện, biên bản xác nhận chỉ số công tơ và thông báo thanh toán tiền điện, thông báo thanh toán tiền điện, biên bản xác nhận chỉ số công tơ và thông báo thanh toán tiền điện. Ngày 23/12/2019, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty Đ2, số tài khoản: 115 0000 62377 tại Ngân hàng C1 – PGD Đ.

**8/ Giấy nhận nợ lần 08 (1500LDS201912026), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **5.350.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo Hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 24/12/2019, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T3, số tài khoản: 144020128128 – A – B Hà Nội.

**9/ Giấy nhận nợ lần 09** (1500LDS201912076), trong đó:

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **3.290.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo Hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 25/12/2019, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T3, số tài khoản: 1440 2010 28128 tại A – Chi nhánh H1.

**10/ Giấy nhận nợ lần 10** (1500LDS202000314), trong đó:

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **2.100.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo Hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ, giấy đề nghị thanh toán. Ngày 10/01/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**11/ Giấy nhận nợ lần 11** (1500LDS202000371), trong đó:

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **1.900.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo Hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ, giấy đề nghị thanh toán. Ngày 13/01/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**12/ Giấy nhận nợ lần 12** (1500LDS202000422), trong đó:

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **9.550.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo Hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, giấy đề nghị thanh toán. Ngày 14/01/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**13/ Giấy nhận nợ lần 13** (1500LDS202000465), trong đó:

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **9.300.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo Hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 14/01/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**14/ Giấy nhận nợ lần 14 (1500LDS202000518), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **6.400.000.000 đồng** để thanh toán tiền sơi và lương cán bộ nhân viên tháng 12/2019 theo Hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ, Bảng tổng hợp thanh toán lương và Bảng tổng hợp thu BHXH - BHYT – BHTN tháng 12/2019. Ngày 15/01/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1 và tài khoản lương của công nhân viên theo bảng kê.

**15/ Giấy nhận nợ lần 15 (1500LDS202000590), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **5.000.000.000 đồng** để thanh toán tiền sơi theo Hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ, giấy đề nghị thanh toán. Ngày 16/01/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1, Công ty CP D2, số tài khoản: 19910005555558 tại B – Chi nhánh H2.

**16/ Giấy nhận nợ lần 16 (1500LDS202000633), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **2.300.000.000 đồng** để thanh toán tiền sơi theo Hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 17/01/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**17/ Giấy nhận nợ lần 17 (1500LDS202000725), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **2.500.000.000 đồng** để thanh toán tiền sơi theo Hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ, giấy đề nghị thanh toán. Ngày 20/01/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**18/ Giấy nhận nợ lần 18 (1500LDS202000805), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **2.123.941.446 đồng** để thanh toán tiền sơi theo Hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 21/01/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**19/ Giấy nhận nợ lần 19 (1500LDS202001005), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1

tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **3.000.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo Hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 06/02/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**20/ Giấy nhận nợ lần 20** (1500LDS202001030), trong đó:

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **2.700.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo Hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 07/02/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**21/ Giấy nhận nợ lần 21** (1500LDS202001114), trong đó:

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **2.500.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo Đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho. Ngày 10/02/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**22/ Giấy nhận nợ lần 22** (1500LDS202001163), trong đó:

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **1.800.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo Hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 11/02/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T4, số tài khoản: 28910000998686 tại B – Chi nhánh N3.

**23/ Giấy nhận nợ lần 23** (1500LDS202001224), trong đó:

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **3.000.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo Đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho. Ngày 13/02/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**24/ Giấy nhận nợ lần 24** (1500LDS202001276), trong đó:

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **3.200.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo Hợp đồng mua bán hàng hóa, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 13/02/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T4, số tài khoản: 51394108 tại V1 – Chi nhánh T5 - PGD T.

**25/ Giấy nhận nợ lần 25** (1500LDS202001304), trong đó:

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **2.700.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo

Đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho. Ngày 14/02/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**26/ Giấy nhận nợ lần 26** (1500LDS202001460), trong đó:

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **1.500.000.000 đồng** để thanh toán tiền sởi theo Hợp đồng mua bán hàng hóa, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 20/02/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T4, số tài khoản: 51394108 tại V1 – Chi nhánh T5 - PGD T.

**27/ Giấy nhận nợ lần 27** (1500LDS202001745), trong đó:

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **1.582.960.000 đồng** để thanh toán tiền sởi theo Đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 28/02/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**28/ Giấy nhận nợ lần 28** (1500LDS202001918), trong đó:

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **2.700.000.000 đồng** để thanh toán tiền sởi theo Hợp đồng mua bán hàng hóa, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 06/03/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty CP D2, số tài khoản: 19910005555558 tại B – Chi nhánh H2.

**29/ Giấy nhận nợ lần 29** (1500LDS202002003), trong đó:

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **1.900.000.000 đồng** để thanh toán tiền sởi theo Hợp đồng mua bán hàng hóa, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 10/03/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T3, số tài khoản: 1440 2010 28128 tại A – Chi nhánh H1.

**30/ Giấy nhận nợ lần 30** (1500LDS202002130), trong đó:

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam 5 giải ngân số tiền vay là **1.245.442.738 đồng** để thanh toán tiền lương công nhân viên tháng 01 năm 2020 theo Bảng tổng hợp thanh toán lương và Bảng tổng hợp thu BHXH - BHYT – BHTN tháng 1/2020. Ngày 13/03/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản lương của công nhân viên theo bảng kê.

**31/ Giấy nhận nợ lần 31** (1500LDS202002220), trong đó:

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **2.500.000.000 đồng** để thanh toán tiền sởi theo Hợp đồng mua bán hàng hóa, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận

công nợ. Ngày 17/03/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T3, số tài khoản: 1440 2010 28128 tại A – Chi nhánh H1.

**32/ Giấy nhận nợ lần 32 (1500LDS202002301), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **3.600.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo Đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 19/03/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**33/ Giấy nhận nợ lần 33 (1500LDS202002491), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **3.100.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt, bông cotton thiên nhiên theo Đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho. Ngày 25/03/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**34/ Giấy nhận nợ lần 34 (1500LDS202002516), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **2.700.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo Hợp đồng mua bán hàng hóa, đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 25/03/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1 và Công ty TNHH T3, số tài khoản: 1440 2010 28128 tại A – Chi nhánh H1.

**35/ Giấy nhận nợ lần 35 (1500LDS202002552), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **2.533.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 27/03/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**36/ Giấy nhận nợ lần 36 (1500LDS202002596), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **1.200.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 30/03/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T3, số tài khoản: 1440 2010 28128 tại A – Chi nhánh H1.

**37/ Giấy nhận nợ lần 37 (1500LDS202003294), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **1.120.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo

hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 27/04/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T3, số tài khoản: 1440 2010 28128 tại A – Chi nhánh H1.

**38/ Giấy nhận nợ lần 38 (1500LDS202003403), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **1.690.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 04/05/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T3, số tài khoản: 1440 2010 28128 tại A – Chi nhánh H1.

**39/ Giấy nhận nợ lần 39 (1500LDS202004127), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **1.210.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo hợp đồng mua bán hàng hóa, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 27/05/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T4, số tài khoản: 51394108 tại V1 – Chi nhánh T5 - PGD T.

**40/ Giấy nhận nợ lần 40 (1500LDS202004360), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **1.140.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 04/06/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T3, số tài khoản: 1440 2010 28128 tại A – Chi nhánh H1.

**41/ Giấy nhận nợ lần 41 (1500LDS202005529), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **3.250.000.000 đồng** để thanh toán tiền bông thiên nhiên chưa chải thô chưa chải kỹ theo hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 15/07/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty CP D2, số tài khoản: 19910005555558 tại B – Chi nhánh H2.

**42/ Giấy nhận nợ lần 42 (1500LDS202005914), trong đó:**

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **4.800.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt, tiền bông thiên nhiên chưa chải thô chưa chải kỹ theo hợp đồng mua bán, đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 29/07/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty CP D2, số tài khoản: 19910005555558 tại B – Chi nhánh H2, Công ty TNHH T3, số tài khoản: 1440 2010

28128 tại A – Chi nhánh H1 và Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**43/ Giấy nhận nợ lần 43** (1500LDS202006024) trong đó:

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **2.200.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo hợp đồng mua bán, đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 03/08/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T3, số tài khoản: 1440 2010 28128 tại A – Chi nhánh H1 và Công ty TNHH T2, số tài khoản: 1015627286 tại S1 – Chi nhánh H3.

**44/ Giấy nhận nợ lần 44** (1500LDS202006206), trong đó:

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **1.400.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt, tiền bông thiên nhiên chưa chải thô chưa chải kỹ theo hợp đồng mua bán, đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 07/08/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty TNHH T3, số tài khoản: 1440 2010 28128 tại A – Chi nhánh H1 và Công ty TNHH T2, số tài khoản: 020066464777 tại S – Chi nhánh Đ1.

**45/ Giấy nhận nợ lần 45** (1500LDS202006424), trong đó:

Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã đề nghị A Chi nhánh H1 cho Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam giải ngân số tiền vay là **1.500.000.000 đồng** để thanh toán tiền sọt theo hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, biên bản xác nhận công nợ. Ngày 17/08/2020, A Chi nhánh H1 đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Công ty CP D2, số tài khoản: 19910005555558 tại B – Chi nhánh H2 .

Tổng số tiền đã giải ngân theo 45 Giấy nhận nợ cụ thể trên là: **119.647.215.693 đồng** (Một trăm mười chín tỷ, sáu trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm mười lăm nghìn, sáu trăm chín mươi ba đồng).

Thời điểm xét xử sơ thẩm, tính đến ngày 23/10/2024 thì các Giấy nhận nợ cụ thể còn dư nợ là:

- + Giấy nhận nợ lần 01 số 1500LDS201911355 ngày 05/12/2019: Dư nợ gốc: 10.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 40.873.974 đồng);
- + Giấy nhận nợ lần 02 số 1500LDS201911401 ngày 06/12/2019: Dư nợ gốc: 1.818.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 565.024.931 đồng);
- + Giấy nhận nợ lần 03 số 1500LDS201911413 ngày 06/12/2019: Dư nợ gốc: 2.000.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 609.863.013 đồng);
- + Giấy nhận nợ lần 04 số 1500LDS201911446 ngày 09/12/2019: Dư nợ gốc: 1.710.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 521.432.877 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 05 số 1500LDS201911466 ngày 09/12/2019: Dư nợ gốc: 651.347.800 đồng, số tiền dư nợ lãi: 198.616.467 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 06 số 1500LDS201911566 ngày 11/12/2019: Dư nợ gốc: 482.258.300 đồng, số tiền dư nợ lãi: 147.055.750 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 07 số 1500LDS201911992 ngày 23/12/2019: Dư nợ gốc: 568.265.409 đồng, số tiền dư nợ lãi: 173.282.028 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 08 số 1500LDS201912026 ngày 24/12/2019: Dư nợ gốc: 5.350.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 1.631.383.562 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 09 số 1500LDS201912076 ngày 25/12/2019: Dư nợ gốc: 3.290.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 1.003.224.657 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 10 số 1500LDS202000314 ngày 10/01/2020: Dư nợ gốc: 2.100.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 640.356.164 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 11 số 1500LDS202000371 ngày 13/01/2020: Dư nợ gốc: 1.900.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 579.369.863 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 12 số 1500LDS202000422 ngày 14/01/2020: Dư nợ gốc: 9.550.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 2.912.095.891 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 13 số 1500LDS202000465 ngày 14/01/2020: Dư nợ gốc: 9.300.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 2.835.863.014 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 14 số 1500LDS202000518 ngày 15/01/2020: Dư nợ gốc: 6.400.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 1.951.561.643 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 15 số 1500LDS202000590 ngày 16/01/2020: Dư nợ gốc: 5.000.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 1.524.657.534 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 16 số 1500LDS202000633 ngày 17/01/2020: Dư nợ gốc: 2.300.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 701.342.466 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 17 số 1500LDS202000725 ngày 20/01/2020: Dư nợ gốc: 2.500.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 762.328.767 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 18 số 1500LDS202000805 ngày 21/01/2020: Dư nợ gốc: 2.123.941.446 đồng, số tiền dư nợ lãi: 647.656.666 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 19 số 1500LDS202001005 ngày 06/02/2020: Dư nợ gốc: 2.794.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 870.692.877 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 20 số 1500LDS202001030 ngày 07/02/2020: Dư nợ gốc: 2.700.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 823.315.069 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 21 số 1500LDS202001114 ngày 10/02/2020: Dư nợ gốc: 2.500.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 762.328.767 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 22 số 1500LDS202001163 ngày 11/02/2020: Dư nợ gốc: 1.800.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 548.876.712 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 23 số 1500LDS202001224 ngày 13/02/2020: Dư nợ gốc: 3.000.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 914.794.520 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 24 số 1500LDS202001276 ngày 13/02/2020: Dư nợ gốc: 3.200.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 975.780.822 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 25 số 1500LDS202001304 ngày 14/02/2020: Dư nợ gốc: 2.700.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 823.315.068 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 26 số 1500LDS202001460 ngày 20/02/2020: Dư nợ gốc: 1.500.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 457.397.260 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 27 số 1500LDS202001745 ngày 28/02/2020: Dư nợ gốc: 1.582.960.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 482.694.378 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 28 số 1500LDS202001918 ngày 06/03/2020: Dư nợ gốc: 2.700.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 823.315.068 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 29 số 1500LDS202002003 ngày 10/03/2020: Dư nợ gốc: 1.900.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 579.369.863 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 30 số 1500LDS202002130 ngày 13/03/2020: Dư nợ gốc: 1.245.442.738 đồng, số tiền dư nợ lãi: 379.774.731 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 31 số 1500LDS202002220 ngày 17/03/2020: Dư nợ gốc: 2.500.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 762.328.767 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 32 số 1500LDS202002301 ngày 19/03/2020: Dư nợ gốc: 3.600.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 1.097.753.425 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 33 số 1500LDS202002491 ngày 25/03/2020: Dư nợ gốc: 3.100.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 945.287.672 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 34 số 1500LDS202002516 ngày 26/03/2020: Dư nợ gốc: 2.700.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 823.315.069 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 35 số 1500LDS202002552 ngày 27/03/2020: Dư nợ gốc: 2.533.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 772.391.507 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 36 số 1500LDS202002596 ngày 30/03/2020: Dư nợ gốc: 1.200.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 365.917.809 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 37 số 1500LDS202003294 ngày 27/04/2020: Dư nợ gốc: 1.120.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 341.523.288 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 38 số 1500LDS202003403 ngày 04/05/2020: Dư nợ gốc: 1.690.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 515.334.247 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 39 số 1500LDS202004127 ngày 27/05/2020: Dư nợ gốc: 1.210.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 368.967.124 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 40 số 1500LDS202004360 ngày 04/06/2020: Dư nợ gốc: 1.140.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 347.621.918 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 41 số 1500LDS202005529 ngày 15/07/2020: Dư nợ gốc: 3.250.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 991.027.397 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 42 số 1500LDS202005914 ngày 29/07/2020: Dư nợ gốc: 4.800.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 1.463.671.233 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 43 số 1500LDS202006024 ngày 03/08/2020: Dư nợ gốc: 2.200.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 670.849.315 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 44 số 1500LDS202006206 ngày 07/08/2020: Dư nợ gốc: 1.400.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 426.904.109 đồng);

+ Giấy nhận nợ lần 45 số 1500LDS202006424 ngày 17/08/2020: Dư nợ gốc: 1.500.000.000 đồng, số tiền dư nợ lãi: 457.397.261 đồng).

Và các chứng từ tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn của Chi nhánh Công ty D1 tại Hà Nam khi vay tiền tại A Chi nhánh H1 gồm: Hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận, đề nghị thanh toán, phiếu nhập kho.

Cụ thể các Giấy nhận nợ như sau:

| <b>TT</b> | <b>Giấy nhận nợ</b>                     | <b>Ngày<br/>giải ngân</b> | <b>Ngày<br/>đến hạn</b> | <b>Số tiền<br/>giải ngân</b> | <b>Dư gốc nợ vay</b> |
|-----------|-----------------------------------------|---------------------------|-------------------------|------------------------------|----------------------|
| 1         | Giấy nhận nợ lần 1<br>1500LDS201911355  | 05/12/2019                | 05/11/2020              | 700.000.000                  | 10.000.000           |
| 2         | Giấy nhận nợ lần 2<br>1500LDS201911401  | 06/12/2019                | 06/11/2020              | 1.950.000.000                | 1.818.000.000        |
| 3         | Giấy nhận nợ lần 3<br>1500LDS201911413  | 06/12/2019                | 06/11/2020              | 2.000.000.000                | 2.000.000.000        |
| 4         | Giấy nhận nợ lần 4<br>1500LDS201911446  | 09/12/2019                | 09/11/2020              | 1.710.000.000                | 1.710.000.000        |
| 5         | Giấy nhận nợ lần 5<br>1500LDS201911466  | 09/12/2019                | 09/11/2020              | 651.347.800                  | 651.347.800          |
| 6         | Giấy nhận nợ lần 6<br>1500LDS201911566  | 11/12/2019                | 11/11/2020              | 482.258.300                  | 482.258.300          |
| 7         | Giấy nhận nợ lần 7<br>1500LDS201911992  | 23/12/2019                | 23/11/2020              | 568.265.409                  | 568.265.409          |
| 8         | Giấy nhận nợ lần 8<br>1500LDS201912026  | 24/12/2019                | 24/11/2020              | 5.350.000.000                | 5.350.000.000        |
| 9         | Giấy nhận nợ lần 9<br>1500LDS201912076  | 25/12/2019                | 25/11/2020              | 3.290.000.000                | 3.290.000.000        |
| 10        | Giấy nhận nợ lần 10<br>1500LDS202000314 | 10/01/2020                | 10/12/2020              | 2.100.000.000                | 2.100.000.000        |
| 11        | Giấy nhận nợ lần 11<br>1500LDS202000371 | 13/01/2020                | 14/12/2020              | 1.900.000.000                | 1.900.000.000        |
| 12        | Giấy nhận nợ lần 12<br>1500LDS202000422 | 14/01/2020                | 14/12/2020              | 9.550.000.000                | 9.550.000.000        |
| 13        | Giấy nhận nợ lần 13<br>1500LDS202000465 | 14/01/2020                | 14/12/2020              | 9.300.000.000                | 9.300.000.000        |
| 14        | Giấy nhận nợ lần 14<br>1500LDS202000518 | 15/01/2020                | 15/12/2020              | 6.400.000.000                | 6.400.000.000        |
| 15        | Giấy nhận nợ lần 15<br>1500LDS202000590 | 16/01/2020                | 16/12/2020              | 5.000.000.000                | 5.000.000.000        |
| 16        | Giấy nhận nợ lần 16<br>1500LDS202000633 | 17/01/2020                | 17/12/2020              | 2.300.000.000                | 2.300.000.000        |

| <b>TT</b> | <b>Giấy nhận nợ</b>                     | <b>Ngày<br/>giải ngân</b> | <b>Ngày<br/>đến hạn</b> | <b>Số tiền<br/>giải ngân</b> | <b>Dư gốc nợ vay</b> |
|-----------|-----------------------------------------|---------------------------|-------------------------|------------------------------|----------------------|
| 17        | Giấy nhận nợ lần 17<br>1500LDS202000725 | 20/01/2020                | 21/12/2020              | 2.500.000.000                | 2.500.000.000        |
| 18        | Giấy nhận nợ lần 18<br>1500LDS202000805 | 21/01/2020                | 21/12/2020              | 2.123.941.446                | 2.123.941.446        |
| 19        | Giấy nhận nợ lần 19<br>1500LDS202001005 | 06/02/2020                | 06/01/2021              | 3.000.000.000                | 2.794.000.000        |
| 20        | Giấy nhận nợ lần 20<br>1500LDS202001030 | 07/02/2020                | 07/01/2021              | 2.700.000.000                | 2.700.000.000        |
| 21        | Giấy nhận nợ lần 21<br>1500LDS202001114 | 10/02/2020                | 11/01/2021              | 2.500.000.000                | 2.500.000.000        |
| 22        | Giấy nhận nợ lần 22<br>1500LDS202001163 | 11/02/2020                | 11/01/2021              | 1.800.000.000                | 1.800.000.000        |
| 23        | Giấy nhận nợ lần 23<br>1500LDS202001224 | 13/02/2020                | 13/01/2021              | 3.000.000.000                | 3.000.000.000        |
| 24        | Giấy nhận nợ lần 24<br>1500LDS202001276 | 13/02/2020                | 13/01/2021              | 3.200.000.000                | 3.200.000.000        |
| 25        | Giấy nhận nợ lần 25<br>1500LDS202001304 | 14/02/2020                | 14/01/2021              | 2.700.000.000                | 2.700.000.000        |
| 26        | Giấy nhận nợ lần 26<br>1500LDS202001460 | 20/02/2020                | 20/01/2021              | 1.500.000.000                | 1.500.000.000        |
| 27        | Giấy nhận nợ lần 27<br>1500LDS202001745 | 28/02/2020                | 28/01/2021              | 1.582.960.000                | 1.582.960.000        |
| 28        | Giấy nhận nợ lần 28<br>1500LDS202001918 | 06/03/2020                | 08/02/2021              | 2.700.000.000                | 2.700.000.000        |
| 29        | Giấy nhận nợ lần 29<br>1500LDS202002003 | 10/03/2020                | 17/02/2021              | 1.900.000.000                | 1.900.000.000        |
| 30        | Giấy nhận nợ lần 30<br>1500LDS202002130 | 13/03/2020                | 17/02/2021              | 1.245.442.738                | 1.245.442.738        |
| 31        | Giấy nhận nợ lần 31<br>1500LDS202002220 | 17/03/2020                | 17/02/2021              | 2.500.000.000                | 2.500.000.000        |
| 32        | Giấy nhận nợ lần 32<br>1500LDS202002301 | 19/03/2020                | 19/02/2021              | 3.600.000.000                | 3.600.000.000        |
| 33        | Giấy nhận nợ lần 33<br>1500LDS202002491 | 25/03/2020                | 25/02/2021              | 3.100.000.000                | 3.100.000.000        |
| 34        | Giấy nhận nợ lần 34<br>1500LDS202002516 | 26/03/2020                | 26/02/2021              | 2.700.000.000                | 2.700.000.000        |
| 35        | Giấy nhận nợ lần 35<br>1500LDS202002552 | 27/03/2020                | 01/03/2021              | 2.533.000.000                | 2.533.000.000        |

| TT | Giấy nhận nợ                            | Ngày giải ngân | Ngày đến hạn | Số tiền giải ngân      | Dư gốc nợ vay          |
|----|-----------------------------------------|----------------|--------------|------------------------|------------------------|
| 36 | Giấy nhận nợ lần 36<br>1500LDS202002596 | 30/03/2020     | 01/03/2021   | 1.200.000.000          | 1.200.000.000          |
| 37 | Giấy nhận nợ lần 37<br>1500LDS202003294 | 27/04/2020     | 29/03/2021   | 1.120.000.000          | 1.120.000.000          |
| 38 | Giấy nhận nợ lần 38<br>1500LDS202003403 | 04/05/2020     | 05/04/2021   | 1.690.000.000          | 1.690.000.000          |
| 39 | Giấy nhận nợ lần 39<br>1500LDS202004127 | 27/05/2020     | 27/04/2021   | 1.210.000.000          | 1.210.000.000          |
| 40 | Giấy nhận nợ lần 40<br>1500LDS202004360 | 04/06/2020     | 04/05/2021   | 1.140.000.000          | 1.140.000.000          |
| 41 | Giấy nhận nợ lần 41<br>1500LDS202005529 | 15/07/2020     | 15/06/2021   | 3.250.000.000          | 3.250.000.000          |
| 42 | Giấy nhận nợ lần 42<br>1500LDS202005914 | 29/07/2020     | 29/06/2021   | 4.800.000.000          | 4.800.000.000          |
| 43 | Giấy nhận nợ lần 43<br>1500LDS202006024 | 03/08/2020     | 05/07/2021   | 2.200.000.000          | 2.200.000.000          |
| 44 | Giấy nhận nợ lần 44<br>1500LDS202006206 | 07/08/2020     | 07/07/2021   | 1.400.000.000          | 1.400.000.000          |
| 45 | Giấy nhận nợ lần 45<br>1500LDS202006424 | 17/08/2020     | 19/07/2021   | 1.500.000.000          | 1.500.000.000          |
|    | <b>Tổng</b>                             |                |              | <b>119.647.215.693</b> | <b>118.619.215.693</b> |

- Tính đến ngày 23/10/2024, Công ty cổ phần D1 đã thanh toán trả cho A Chi nhánh H1 tổng số tiền nợ gốc là: **1.028.000.000 đồng** (Một tỷ, không trăm hai mươi tám triệu đồng) và còn nợ số tiền nợ gốc là: **118.619.215.693 đồng** (Một trăm mười tám tỷ, sáu trăm mười chín triệu, hai trăm mười lăm nghìn, sáu trăm chín mươi ba đồng).

- Tính đến ngày 23/10/2024, Công ty D1 còn nợ A – Chi nhánh H1 tổng số tiền là: **154.857.150.236 đồng** (Một trăm năm mươi tư tỷ, tám trăm năm mươi bảy triệu, một trăm năm mươi nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc là: **118.619.215.693 đồng** (Một trăm mười tám tỷ, sáu trăm mười chín triệu, hai trăm mười lăm nghìn, sáu trăm chín mươi ba đồng); Nợ lãi trong hạn là: **2.849.581.586 đồng** (Hai tỷ, tám trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm tám mươi mốt nghìn, năm trăm tám mươi sáu đồng); Nợ lãi quá hạn là: **33.388.352.957 đồng** (Ba mươi ba tỷ, ba trăm tám mươi tám triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi bảy đồng).

**Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng thế chấp bao gồm:**

| TT | Tên tài sản | Số Hợp đồng thế chấp |
|----|-------------|----------------------|
|----|-------------|----------------------|

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                          |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Toàn bộ giá trị máy móc thiết bị gồm: 01 hệ thống thiết bị gian cung bông, 04 máy chải năng suất cao TC-03; 04 máy ghép đặc tính cao TD-03; 02 máy đánh ống nổi vô tự động Autoconer 338, loại RM với 60 đầu đánh ống, loepfe YM800i; 01 máy đánh ống nổi vô tự động Autoconer 338, loại RM với 60 đầu đánh ống, loepfe YM900i; 01 máy hấp sợi Super Cube Nova 18-18-27 của Công ty Cổ phần Dệt D1 Hà Nội                                                                                                                                                  | Hợp đồng thế chấp tài sản số 01082014/HĐTC ngày 01/08/2014, Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản ngày 20/12/2017 và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 02/PLHĐTCTS ngày 07/08/2020.                       |
| 2 | Toàn bộ giá trị Nhà xưởng sợi thuộc dự án nhà máy kéo sợi chất lượng cao giai đoạn 2 gắn liền với đất thuê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV640591 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 30/06/2020, thời hạn thuê đất: đến hết ngày 10/12/2054.                                                                                                                                                                                                                             | Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2019/AGRHN-D1 ngày 24/10/2019, Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 1 ngày 28/11/2019, Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 2 ngày 17/02/2020 |
| 3 | Toàn bộ giá trị máy móc thiết bị gồm: Một phần hệ thống cung bông; 5 Máy chải thô TC15; 3 Máy ghép đặc tính cao TD9; 3 Máy ghép đặc tính cao TD8; 4 Máy kéo sợi thô; 24 Máy dệt OPTIMAX-I-4-R 190cm; Hệ thống điều không và thu gom rác của Công ty Cổ phần Dệt D1 Hà Nội                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Hợp đồng thế chấp tài sản số 012020/HĐTCTS/AGRHN-HATEXCO ngày 09/05/2020, số công chứng 831/2020/HĐTC                                                                                                    |
| 4 | Toàn bộ giá trị máy móc thiết bị gồm: 22 máy sợi con FA528 (TQ); 5 máy kéo sợi thô FA 415A; 2 máy ghép FA 306A; 1 hệ thống tái chế phế liệu SFU101; 2 máy chải năng suất cao TC-03; 1 hệ thống điều không và Toàn bộ giá trị Nhà máy kéo sợi giai đoạn 1 và nhà kho sợi 01 tầng gắn liền với đất thuê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV640591 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 30/06/2020, thời hạn thuê đất: đến hết ngày 10/12/2054 của Công ty Cổ phần Dệt D1 Hà Nội | Hợp đồng thế chấp tài sản số 022020/HĐTCTS/AGRHN - HATEXCO ngày 06/08/2020                                                                                                                               |

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng nói trên, Công ty D1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, toàn bộ dư nợ của Hợp đồng tín dụng đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù Nguyên đơn đã rất nhiều lần làm việc, đôn đốc Công ty D1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty vẫn chây ỳ, cố ý không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho Nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Căn cứ các nội dung trên, A thông qua A Chi nhánh H1 yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm số 51/2024/ST-KDTM ngày

28/10/2024 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 Hà Nội).

Ngoài ra, ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

**\* Tại phiên tòa phúc thẩm:**

***Bị đơn là Công ty cổ phần D1 do Bà Đinh Hương L là đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Bị đơn Công ty cổ phần D1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Bị đơn đã nộp đơn đề nghị xem xét thẩm định lại tài sản bảo đảm ngày 25/9/2025, có nội dung như sau: Mặc dù việc xem xét thẩm định tài sản thế chấp đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành nhưng cho đến thời điểm hiện tại, tình trạng của một số tài sản thế chấp không còn được như thời điểm thẩm định vào năm 2024. Cụ thể: 22 máy sợi con FA528(TQ); 05 máy thô FA 415A; 02 máy ghép FA 306A; 1 hệ thống tái chế phế liệu SFU101; 2 máy chải năng suất cao TC-03 Truetzchler; 01 hệ thống điều không (AESAs); 02 máy đánh ống nổi tự động AU 338 YM800i; 01 máy đánh ống tự động AU 338 YM900i. Đây là những máy móc của Công ty D1 được đặt tại Nhà máy S2 (Thị xã D, tỉnh Hà Nam nay là tỉnh Ninh Bình). Do hoạt động sản xuất kinh doanh gặp khó khăn và một số đã bị hư hỏng nên công ty đã cho ngừng hoạt động những máy móc này từ lâu. Đến nay những máy móc trên đều đã xuống cấp khá nghiêm trọng, giá trị của các tài sản này đã bị giảm sút nhiều so với thời điểm công ty ký hợp đồng thế chấp với A. Vì vậy, Công ty cổ phần D1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoãn phiên tòa ngày 30/9/2025 và tiến hành thẩm định, định giá lại những tài sản thế chấp nêu trên để làm căn cứ giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện.

Bị đơn đồng ý với phần trình bày về quá trình ký kết, thực hiện Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 mà Công ty CP D1 cùng Ngân hàng A chi nhánh H1 ký kết vào ngày 25/10/2019 và các văn bản sửa đổi cũng như 45 Giấy nhận nợ như phía nguyên đơn trình bày. Công ty cổ phần D1 xác nhận khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 nêu trên. Tính đến ngày 23/10/2024, Công ty cổ phần D1 xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là: **154.857.150.236 đồng** (Một trăm năm mươi tư tỷ, tám trăm năm mươi bảy triệu, một trăm năm mươi nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng); Trong đó: Nợ gốc là: **118.619.215.693 đồng** (Một trăm mười tám tỷ, sáu trăm mười chín triệu, hai trăm mười lăm nghìn, sáu trăm chín mươi ba đồng); Nợ lãi là: **36.237.934.543 đồng** (Ba mươi sáu tỷ, hai trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi tư nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng) (Trong đó bao gồm: Nợ lãi trong hạn: 2.849.581.586 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 33.388.352.957 đồng) và các Hợp đồng thế chấp như phía nguyên đơn đã trình bày. Tuy nhiên, bị đơn vẫn đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để thẩm định, định giá lại tài sản thế chấp để làm căn cứ giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện và làm căn cứ để miễn giảm gốc và lãi cho bị đơn.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Công ty cổ phần D1 – Luật sư Lò Minh D trình bày:***

Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 được Công ty CP D1 cùng

Ngân hàng A chi nhánh H1 ký kết vào ngày 25/10/2019. Không lâu sau đó, đại dịch Covid 19-bùng phát, các tổ chức, doanh nghiệp trong xã hội đều phải nghiêm chỉnh thực hiện các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về giãn cách xã hội dẫn tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bị đình trệ. Hơn nữa, sau đại dịch, nền kinh tế toàn cầu cũng như thị trường may mặc trong và ngoài nước bị ảnh hưởng nghiêm trọng đã tác động không nhỏ tới tình hình của ngành dệt may Việt Nam nói chung và hoạt động của Công ty CP D1 nói riêng. Doanh số tiêu thụ hàng của Công ty CP D1 bị sụt giảm nghiêm trọng; công ty không có đơn hàng mới, không tìm được đầu ra cho sản phẩm, hàng hóa bị tồn đọng nhiều; công ty phải gánh nhiều khoản nợ ngân hàng, nợ lương, nợ bảo hiểm, nhà máy phải đóng cửa...

Trong thời gian dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Ngân hàng N4 có ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020, sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 17/05/2021 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/09/2021 quy định về việc tổ chức tín dụng cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi phí nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Căn cứ theo Điều 5 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN và khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 14/2021/TT-NHNN, khoản nợ của Công ty CP D1 là khoản nợ phát sinh trước ngày 01/8/2021 từ hoạt động cấp tín dụng mà nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đến hạn thanh toán trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 30/06/2022. Thời điểm Ngân hàng N4 ban hành các Thông tư này, Công ty CP D1 chưa được biết và chưa được tiếp cận quy định nên chưa tiến hành đề nghị Ngân hàng A xem xét miễn giảm lãi. Cũng trong thời gian từ năm 2020 đến năm 2022, Công ty cổ phần D1 bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên doanh thu sụt giảm, không có khả năng trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng A. Do đó trường hợp của Công ty CP D1 cần được xem xét theo quy định tại các Thông tư của Ngân hàng N4 về việc miễn giảm tiền lãi thì mới đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty D1.

***Từ nội dung luật sư vừa nêu, Bị đơn Công ty Cổ phần D1 do ông Đỗ Văn M – Tổng Giám đốc, đại diện theo pháp luật trình bày bổ sung:***

Ông Đỗ Văn Minh xác N1: Ngày 25/10/2019, Công ty Cổ phần D1 do ông là Tổng Giám đốc – Đại diện theo pháp luật (Bên vay) đã ký Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 với Bên cho vay là: A – Chi nhánh H1 do ông Bùi Hoàng L2 là Phó Giám đốc làm đại diện: Hạn mức cấp tín dụng là: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng). Sau đó, Công ty Cổ phần D1 do ông Đỗ Văn M là Tổng Giám đốc – Đại diện theo pháp luật (Bên vay) đã ký các Văn bản Thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng tín dụng số 01/2019/TTSDHĐTD ngày 30/10/2019, Văn bản Thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng tín dụng số 02/2019/TTSDHĐTD ngày 10/05/2020, Văn bản Thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng tín dụng số 03/2019/TTSDHĐTD ngày 07/08/2020 với Bên cho vay là: Ngân hàng N2 (tên viết tắt là: A) – Chi nhánh H1 và 45 Giấy nhận nợ với tư cách là Chi nhánh Công ty cổ phần D1 tại Hà Nam theo Giấy ủy quyền số 111/DETD1 ngày 24/10/2019 với mức dư nợ tối đa là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng). Ông Minh xác N1 nợ gốc, nợ lãi như nguyên đơn trình bày là đúng. Ông Minh xác N1: tính đến ngày 23/10/2024, Công ty cổ phần D1 còn nợ A Chi nhánh

H1 số tiền là: **154.857.150.236 đồng**; Trong đó: Nợ gốc là: **118.619.215.693 đồng** (Một trăm mười tám tỷ, sáu trăm mười chín triệu, hai trăm mười lăm nghìn, sáu trăm chín mươi ba đồng); Nợ lãi là: **36.237.934.543 đồng** (Ba mươi sáu tỷ, hai trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi tư nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng) (Trong đó bao gồm: Nợ lãi trong hạn: 2.849.581.586 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 33.388.352.957 đồng) và các Hợp đồng thế chấp như phía nguyên đơn đã trình bày là đúng. Sở dĩ ông M nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với mục đích xin hoãn phiên tòa khoảng một năm để ông có thêm thời gian thu xếp nguồn vốn cho công ty, khôi phục sản xuất, trả nợ cho A. Công ty Cổ phần D1 có ý nghĩa tinh thần vô cùng lớn với cá nhân ông và cán bộ công nhân viên công ty cũng như những người dân Hà Nội. Ông M đề nghị nguyên đơn - Ngân hàng A căn cứ quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020, Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 17/05/2021 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/09/2021 để xem xét miễn giảm tiền lãi, giảm tiền gốc cho công ty, tạo điều kiện cho công ty C2 phục hồi sản xuất kinh doanh, sớm có doanh thu để thanh toán các khoản nợ cho A. Ông M cũng đề nghị hoãn phiên tòa để thẩm định, định giá lại tài sản thế chấp để làm căn cứ giải quyết vụ án, kéo dài thời gian giải quyết vụ án để công ty có cơ hội phục hồi sản xuất kinh doanh.

**Nguyên đơn Ngân hàng N2 (Sau đây gọi tắt là: “A” hoặc “Ngân hàng”) do đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị Hằng N – Phó Giám đốc A – Chi nhánh H1 trình bày:**

Nguyên đơn không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2022, đơn sửa đổi bổ sung nội dung khởi kiện ngày 27/7/2023 và các lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm và lời khai tại Bản tự khai ngày 15/9/2025. A thông qua A Chi nhánh H1 yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bác bỏ toàn bộ kháng cáo của bị đơn; Tuyên giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 51/2024/ST-KDTM ngày 28/10/2024 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 Hà Nội). Đề nghị Tòa án tuyên buộc Công ty cổ phần D1 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Tổng số tiền (tạm tính đến ngày 23/10/2024) là: **154.857.150.236 đồng**; Trong đó: Nợ gốc là: **118.619.215.693 VND**; Nợ lãi là: **36.237.934.543 đồng** (Bao gồm: Nợ lãi trong hạn: 2.849.581.586 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 33.388.352.957 đồng). Công ty cổ phần D1 còn phải chịu lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm 24/10/2024 trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ cho đến khi thi hành án xong; Trường hợp Công ty cổ phần D1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án xác định Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vụ án đã kéo dài nhiều năm, cấp sơ thẩm cũng đã xem xét thẩm định tài sản thế chấp nhiều lần, nhưng Công ty không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của Ngân hàng nên đề nghị Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa theo yêu cầu của bị đơn và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đúng thời hạn luật định.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu:**

Về việc chấp hành pháp luật: Quá trình tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng,

những người tiến hành tố đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty CP D1; Giữ nguyên Bản án KDTM sơ thẩm số 51/2024/ST- KDTM ngày 28/10/2024 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (Nay là: Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Thành phố Hà Nội).

- Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn Công ty cổ phần D1 phải chịu án phí KDTM phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

##### **1.1 Về quan hệ pháp luật và thời hiệu khởi kiện:**

Nguyên đơn Ngân hàng N2 khởi kiện bị đơn Công ty cổ phần D1 yêu cầu thanh toán số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 và các văn bản Thỏa thuận sửa đổi (bao gồm 45 Giấy nhận nợ). Do đó, tranh chấp được xác định trong vụ án là: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”. Đến nay, bị đơn vẫn còn nợ nguyên đơn nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn nên chưa hoàn thành nghĩa vụ của hợp đồng, lãi suất quá hạn vẫn tiếp tục được tính đến khi bên vay trả xong nợ gốc. Vì vậy, Hợp đồng chưa kết thúc như thỏa thuận đã nêu tại Điều 17 (Hiệu lực của hợp đồng). Do Hợp đồng vẫn được thực hiện nên việc nguyên đơn khởi kiện đối với số nợ chưa được bị đơn thanh toán là nằm trong thời hiệu khởi kiện.

##### **1.2 Về thẩm quyền:**

Xét thấy, tại Điều 14 của Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 ký kết giữa A Chi nhánh H1 và Công ty cổ phần D1 quy định: “Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa các bên. Trong trường hợp không thương lượng được, các bên thống nhất giải quyết tranh chấp bằng hình thức trọng tài tại Trung tâm T6 (V2) hoặc Tòa án cấp có thẩm quyền tại nơi đóng trụ sở của Chi nhánh”. Địa chỉ trụ sở chi nhánh: số G L, phường V, quận H, thành phố Hà Nội (Nay là: Số G L, phường V, thành phố Hà Nội). Như vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (Nay là: Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Thành phố Hà Nội).

##### **1.3 Về thủ tục kháng cáo:**

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Ngày 08/11/2024, bị đơn là Công ty Cổ phần D1 nộp đơn kháng cáo (Đơn kháng cáo đề ngày 08/11/2024) có nội dung kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Bản án KDTM sơ thẩm số 51/2024/KDTM-ST xử ngày 23/10/2024, tuyên án ngày 28/10/2024 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội không khách quan, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Cổ phần D1. Ngày 15/11/2024, bị đơn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số 0024480 ngày 15/11/2024 của Chi Cục thi

hành án dân sự quận Hai Bà Trưng Thành phố Hà Nội. đơn kháng cáo có nội dung kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm là trong thời hạn luật định, đảm bảo nội dung theo quy định theo Điều 272, BLTTDS. Ngày 22/11/2024, bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định của Điều 273, 276 BLTTDS. Do vậy, kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần D1 là hợp lệ nên đơn kháng cáo được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

#### **1.4 Về phạm vi giải quyết phúc thẩm:**

Theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm có kháng cáo.

### **[III]. Về yêu cầu kháng cáo:**

#### **2.1. Đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm:**

##### **2.1.1 Về yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng:**

Ngân hàng N2 (Nay được viết tắt là: “A” hoặc “Ngân hàng”). Công ty cổ phần D1 (Nay được viết tắt là: “*Công ty Dệt D1*”).

Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Công ty D1 là khách hàng của A Chi nhánh H1 theo Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019. Ngày 25/10/2019, Công ty cổ phần D1 do ông Đỗ Văn M là Tổng Giám đốc, đại diện theo pháp luật và A - Chi nhánh H1 (do ông Bùi Hoàng L2 là Phó Giám đốc Chi nhánh theo sự phân cấp quản lý của A) đã ký Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 và các văn bản Thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng tín dụng số 01/2019/TTSDHĐTD ngày 30/10/2019; Thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng tín dụng số 02/2019/TTSDHĐTD ngày 10/05/2020; Thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng tín dụng số 03/2019/TTSDHĐTD ngày 07/08/2020 (bao gồm 45 Giấy nhận nợ), cụ thể như sau:

- Hạn mức cấp tín dụng: 120.000.000.000 đồng. Hạn mức cấp tín dụng bao gồm: Dư nợ các khoản vay ngắn hạn; số dư bảo lãnh; số dư phát hành thư tín dụng (L) và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật và của A do Chi nhánh Công ty Cổ phần D1 tại Hà Nam nhận nợ theo ủy quyền; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 - 2020 và được ghi cụ thể trên từng lần nhận nợ. Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 11 tháng cho từng lần nhận nợ. Lãi suất cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019: Lãi suất cho vay áp dụng với dư nợ gốc trong hạn: Theo quy định của A tại thời điểm nhận nợ; Lãi suất cho vay áp dụng với dư nợ gốc bị quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: 10%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo các Văn bản thỏa thuận sửa đổi hợp đồng tín dụng như sau: Theo Văn bản Thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng tín dụng số 01/2019/TTSDHĐTD ngày 30/10/2019: Lãi suất cho vay áp dụng với dư nợ gốc bị quá hạn: 100% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: 0%/năm. Tại 45 Giấy nhận nợ các bên thỏa thuận: Lãi suất cho vay 7,5%/năm.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn là Công ty cổ phần D1 do ông Đỗ Văn M là Tổng Giám đốc, đại diện theo pháp luật của công ty đã xác nhận: Ngày 25/10/2019, Công ty Cổ phần D1 do ông là Tổng Giám đốc – Đại diện theo pháp luật (Bên vay) đã ký Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 với Bên cho vay là: Ngân hàng N2 (tên viết tắt là: A) – Chi nhánh H1 do ông Bùi Hoàng L2 là Phó Giám đốc làm đại diện: Hạn mức cấp tín dụng là: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng). Sau đó, Công ty Cổ phần D1 do ông Đỗ Văn M là Tổng Giám đốc – Đại diện theo pháp luật (Bên vay) đã ký Văn bản Thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng tín dụng số 01/2019/TTSDHĐTD ngày 30/10/2019, Văn bản Thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng tín dụng số 02/2019/TTSDHĐTD ngày 10/05/2020, Văn bản Thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng tín dụng số 03/2019/TTSDHĐTD ngày 07/08/2020 với Bên cho vay là: A – Chi nhánh H1 do ông Bùi Hoàng L2 là Phó Giám đốc làm đại diện và 45 Giấy nhận nợ với tư cách là Chi nhánh Công ty cổ phần D1 tại Hà Nam. Bị đơn xác nhận: Tính đến ngày 23/10/2024, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là: **154.857.150.236 đồng** (Một trăm năm mươi tư tỷ, tám trăm năm mươi bảy triệu, một trăm năm mươi nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng); Trong đó: Nợ gốc là: **118.619.215.693 đồng** (Một trăm mười tám tỷ, sáu trăm mười chín triệu, hai trăm mười lăm nghìn, sáu trăm chín mươi ba đồng); Nợ lãi là: **36.237.934.543 đồng** (Ba mươi sáu tỷ, hai trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi tư nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng) (Trong đó bao gồm: Nợ lãi trong hạn: 2.849.581.586 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 33.388.352.957 đồng) như phía nguyên đơn đã trình bày là đúng.

Hồ sơ vụ án thể hiện, theo Giấy ủy quyền số 111/DETD1 ngày 24/10/2019 có nội dung: Bên ủy quyền (Bên A): Ông Đỗ Văn M – Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty cổ phần D1 ủy quyền cho bên B là ông Đỗ Văn M – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần D1 tại Hà Nam được thay mặt tổng Giám đốc Công ty cổ phần D1 được dùng tên, tài khoản và con dấu của Chi nhánh Công ty cổ phần D1 để ký và thực hiện các Giấy nhận nợ và các hồ sơ chứng từ liên quan bao gồm nhưng không giới hạn các chứng từ liên quan đến thanh toán quốc tế để vay vốn lưu động tại Ngân hàng N2 (tên viết tắt là: A) – Chi nhánh H1 với mức dư nợ tối đa là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng).

Như vậy, có căn cứ xác định ngày 25/10/2019, Bên cho vay (Bên A) là A - Chi nhánh H1 (do ông Bùi Hoàng L2 là Phó Giám đốc Chi nhánh theo sự phân cấp quản lý của A/ Giấy ủy quyền số 1588/UQ-NHNoHN ngày 24/7/2019 của Giám đốc A – Chi nhánh H1) đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 với bên vay (Bên B) là Công ty cổ phần D1 do ông Đỗ Văn M là Tổng Giám đốc, đại diện theo pháp luật (tại thời điểm ký hợp đồng). Sau đó là các văn bản Thỏa thuận sửa đổi hợp đồng tín dụng số 01/2019/TTSDHĐTD ngày 30/10/2019; 02/2019/TTSDHĐTD ngày 10/05/2020; số 03/2019/TTSDHĐTD ngày 07/08/2020 (bao gồm 45 Giấy nhận nợ) đã được hai bên ký kết trên cơ sở của Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019.

Hợp đồng tín dụng trên có nội dung thỏa thuận của các bên trong các Hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, đúng thẩm quyền, tuân thủ về hình thức và

nội dung, phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện cho vay, lãi suất... quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và hướng dẫn tại Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng. Việc ký kết các Hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện; Hình thức, nội dung của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 117, 118, 119, 385, 398, 463, 465 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, xác định đây là Hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên: Tính đến ngày 23/10/2024, Công ty D1 chỉ thanh toán trả cho A Chi nhánh H1 được tổng số tiền nợ gốc là: **1.028.000.000 đồng** và số tiền nợ lãi là: **5.421.246.486 đồng**. Công ty D1 còn nợ A – Chi nhánh H1 tổng số tiền là: **154.857.150.236 đồng**. Trong đó: Nợ gốc là: **118.619.215.693 đồng** (*Một trăm mười tám tỷ, sáu trăm mười chín triệu, hai trăm mười lăm nghìn, sáu trăm chín mươi ba đồng*); Nợ lãi trong hạn là: **2.849.581.586 đồng** (*Hai tỷ, tám trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, năm trăm tám mươi sáu đồng*); Nợ lãi quá hạn là: **33.388.352.957 đồng** (*Ba mươi ba tỷ, ba trăm tám mươi tám triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi bảy đồng*).

Do Công ty cổ phần D1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng N2 (A) khởi kiện yêu cầu thanh toán toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019, các Thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Cụ thể: Tổng số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn (tạm tính đến ngày 23/10/2024) là: **154.857.150.236 đồng**; Trong đó: Nợ gốc là: **118.619.215.693 đồng**; Nợ lãi là: **36.237.934.543 đồng** (Bao gồm: Nợ lãi trong hạn: 2.849.581.586 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 33.388.352.957 đồng).

Đối chiếu với bảng sao kê tính lãi ngày 23/10/2024 do Ngân hàng A cung cấp thì lãi suất được tính dựa theo Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 và Văn bản Thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng tín dụng số 01/2019/TTSDHĐTD ngày 30/10/2019, phù hợp với lãi suất cơ bản do Ngân hàng N4 công bố đối với loại cho vay tương ứng và các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn cũng đã xác nhận khoản nợ gốc và nợ lãi nêu trên.

Căn cứ Khoản 2 Điều 92 Bộ Luật tố tụng Dân sự, đây là trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh do bị đơn đã thừa nhận khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 và không phản đối những tình tiết sự kiện, tài liệu, văn bản mà phía nguyên đơn đã cung cấp trong hồ sơ vụ án.

Nay, A - Chi nhánh H1 theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019, Quyết định số 2665/QĐ – NHNo-PC ngày 01/12/2022 về việc Ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án của người đại diện theo pháp luật của A; Giấy Ủy quyền số 3613/UQ-NHNoHN ngày 04/10/2022 và Giấy ủy quyền số 4666/UQ - NHNo-PC ngày 21/12/2022 của Giám đốc A Chi nhánh H1. Việc A tiến hành khởi kiện và ủy quyền cho A Chi nhánh H1 ký đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung nội dung khởi kiện, tham gia tố tụng, thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng tại

Tòa án và **có quyền khởi kiện** đối với khoản nợ của bị đơn Công ty cổ phần D1 do ông Đỗ Văn M hiện là Tổng Giám đốc, đại diện theo pháp luật (theo Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019 đã ký giữa A - Chi nhánh H1 và Công ty Cổ phần D1) và được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

**2.1.2 Về yêu cầu của nguyên đơn đối với việc xử lý tài sản thế chấp khi bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán:**

Để bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng, giữa Ngân hàng N2, Công ty cổ phần D1, đã ký kết các hợp đồng thế chấp như sau:

+ Hợp đồng thế chấp số 01082014/HĐTC ngày 01/8/2014; Phụ lục hợp đồng ngày 20/12/2017 và 07/08/2020; Giá trị TSBĐ: **13.078.000.000 VND**): Toàn bộ giá trị máy móc thiết bị gồm: 01 hệ thống thiết bị gian cung bông, 04 máy chải năng suất cao TC-03; 04 máy ghép đặc tính cao TD-03; 02 máy đánh ống nổi tự động Autoconer 338, loại RM với 60 đầu đánh ống, loepfe YM800i; 01 máy đánh ống nổi tự động Autoconer 338, loại RM với 60 đầu đánh ống, loepfe YM900i; 01 máy hấp sợi Super Cube Nova 18-18-27 của Công ty cổ phần D1.

+ Hợp đồng thế chấp số 01/2019/AGRHN-D1 ngày 24/10/2019; Phụ lục Hợp đồng thế chấp ngày 28/11/2019, 17/02/2020; Giá trị TSBĐ: **32.000.000.000 VND**, trong đó: Giá trị tài sản đã hình thành: 26.262.084.000 VND; Giá trị chưa hình thành: 5.737.916.000 VND): Toàn bộ giá trị Nhà xưởng sợi thuộc dự án nhà máy kéo sợi chất lượng cao giai đoạn 2 gắn liền với đất thuê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV640591 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 30/06/2020, thời hạn thuê đất: đến hết ngày 10/12/2054.

+ Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTCTS/AGRHN-HATEXCO ngày 09/05/2020; Giá trị TSBĐ: 74.545.000.000 VND): Toàn bộ giá trị máy móc thiết bị gồm: Một phần hệ thống cung bông; 5 Máy chải thô TC15; 3 Máy ghép đặc tính cao TD9; 3 Máy ghép đặc tính cao TD8; 4 Máy kéo sợi thô; 24 Máy dệt OPTIMAX-I-4-R 190cm; Hệ thống điều không và thu gom rác của Công ty cổ phần D1.

+ Hợp đồng thế chấp số 022020/HĐTCTS/AGRHN-HATEXCO ngày 06/08/2020; Giá trị TSBĐ: 47.279.000.000 VND): Toàn bộ giá trị máy móc thiết bị gồm: 22 máy sợi con FA528 (TQ); 5 máy kéo sợi thô FA 415A; 2 máy ghép FA 306A; 1 hệ thống tái chế phế liệu SFU101; 2 máy chải năng suất cao TC-03; 1 hệ thống điều không và Toàn bộ giá trị Nhà máy kéo sợi giai đoạn 1 và nhà kho sợi 01 tầng gắn liền với đất thuê theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV640591 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 30/06/2020, thời hạn thuê đất: đến hết ngày 10/12/2054 của Công ty cổ phần D1.

Các Hợp đồng thế chấp trên được ký kết trên cơ sở các bên tham gia hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, chủ tài sản là Công ty cổ phần D1 đã được đọc các Hợp đồng thế chấp, xác nhận nội dung tại văn phòng công chứng theo đúng trình tự thủ tục quy định pháp luật. Nội dung ký kết phù hợp với các Điều 317, 318, 319

Bộ luật dân sự năm 2015 và đã đăng ký giao dịch đảm bảo, nên các hợp đồng thế chấp trên là hợp pháp, Công ty cổ phần D1 đều xác định các tài sản thế chấp trên là tài sản đảm bảo trên đảm bảo cho nghĩa vụ của Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-201906432 ngày 25/10/2019, nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam thể hiện: Toàn bộ các tài sản trên đang đặt tại Công ty cổ phần D1 – chi nhánh H4; Địa chỉ: Khu công nghiệp Đ, phường Đ, thị xã D, Hà Nam. Đối với hệ thống máy móc đang trong quá trình hoạt động bình thường. Riêng 22 máy kéo sợi con FA 528 (TQ) và 24 máy dệt OTMAXI-4-R-190CM đã ngừng hoạt động từ năm 2020 (Kèm theo biên bản là Danh mục các máy móc và bản ảnh đã được xem xét thẩm định). Ngày 16/10/2024, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đã tiến hành xem xét thẩm định lại tài sản thế chấp theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/10/2024 của Tòa án thể hiện: Các tài sản thế chấp này hiện nay đặt tại Nhà máy D3 và Nhà máy D3 thuộc chi nhánh Công ty cổ phần D1 tại Hà Nam. Hiện trạng tài sản thế chấp theo nội dung biên bản, có bản ảnh kèm theo; Số đo và diện tích thực tế theo Trích đo của Công ty cổ phần Đ3 địa chính và tài nguyên môi trường đính kèm.

Tại Điều 2 của các Hợp đồng thế chấp quy định nghĩa vụ bảo đảm gồm toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí khác liên quan- nếu có, tại các hợp đồng cấp tín dụng được ký giữa 2 bên. Tại điều 4 của các Hợp đồng thế chấp quy định các trường hợp Ngân hàng được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ: ....Bên B phải thực hiện nghĩa vụ trước hạn do vi phạm Hợp đồng cấp tín dụng hoặc theo quy định của pháp luật nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ...

Nhận thấy, việc quản lý tài sản bảo đảm trong quá trình các bên thực hiện hợp đồng thế chấp do các bên thỏa thuận, phù hợp với quy định về quản lý tài sản bảo đảm

theo quy định của Bộ luật Dân sự, không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của Hợp đồng thế chấp, không ảnh hưởng đến quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng A. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng pháp luật. Các bên thỏa thuận nghĩa vụ bảo đảm của tài sản thế chấp bao gồm: Toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí khác liên quan- nếu có, tại các hợp đồng cấp tín dụng được ký giữa 2 bên. Công ty Cổ phần D1 vi phạm nghĩa vụ trước hạn, thuộc trường hợp Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là đúng quy định của pháp luật. Trường hợp sau khi đã xử lý các tài sản bảo đảm, nếu số tiền thu được không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì bị đơn còn phải tiếp tục trả số nợ còn thiếu cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

Bị đơn kháng cáo yêu cầu miễn một phần nợ gốc và lãi là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Đối với yêu cầu của bị đơn kháng cáo để thẩm định, định giá lại tài sản thế chấp vì cho rằng tài sản thế chấp đã bị xuống cấp, giảm giá

trị, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cũng xác nhận việc đề nghị xem xét thẩm định, định giá lại tài sản, đồng thời đề nghị hoãn phiên tòa cũng là để kéo dài thời gian giải quyết vụ án, cơ cấu lại khoản nợ. Tuy nhiên, thời gian giải quyết vụ án đã vượt quá quy định của pháp luật, cấp sơ thẩm cũng đã xem xét thẩm định tài sản đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu hoãn phiên tòa của bị đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, trong đó có các Hợp đồng thế chấp là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Tính đến ngày 23/10/2024, Công ty cổ phần D1 chỉ thanh toán trả cho A Chi nhánh H1 được tổng số tiền nợ gốc là: **1.028.000.000 đồng** và số tiền nợ lãi **5.421.246.486 đồng**. Mặt khác, tại các Giấy nhận nợ các bên thỏa thuận: Lãi suất cho vay 7,5%/năm. Mức lãi suất này phù hợp với quy định về cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng nên yêu cầu của bị đơn đề nghị áp dụng các quy định về miễn giảm lãi tại thời điểm đại dịch C3 - 19 là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn.

Các yêu cầu khác của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

*Về án phí:* Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

***Từ những nhận định trên!***

## **QUYẾT ĐỊNH**

### ***Căn cứ:***

Khoản 1 Điều 30; Điều 148; Điều 296; Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều: 293, 295, 296, 317, 319 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, 95 Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 (Nay là Điều 100, 103 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2024);

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Thông tư số 06/2023/TT – NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng N4 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2016/TT – N5 ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Nghị định 163/2006/NĐ – CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 83/2010/NĐ – CP ngày 23/7/2010; Nghị định số 11/2012/ NĐ – CP ngày 22/02/2012 quy định của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm.

Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần D1. Giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 51/2024/ST – KDTM ngày 28/10/2024 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (Nay là: Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Thành phố Hà Nội).

2. Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty cổ phần D1 phải chịu: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0024480 ngày 15/11/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (Nay là: Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Thành phố Hà Nội). Xác nhận Công ty cổ phần D1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội  
(Nay là Tòa án ND Khu vực 3 – TP. Hà Nội)
- Phòng THA.DS Khu vực 3 – TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Bích Hạnh**